

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 8 – 2018

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pHtoà: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phương Đng.
2. Ông Huỳnh Minh Bền.

- Thư ký pHtoà: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 470/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lương Văn Đ**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 25/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Dương Thị H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/3/2003. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thiếu tôn trọng nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng khoảng 7 năm. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị Dương Thị H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lương Hoàng K, sinh ngày 11/01/2004 và Lương Thái T, sinh ngày 01/07/2011. Hiện con chung đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/8/2018 dương lịch.

- Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

* *Tại bản tự khai và trình bày của bị đơn là chị Dương Thị H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

- Về hôn nhân: Chị xác định về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như lời anh Lương Văn Đ trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng theo chị là không có mâu thuẫn gì lớn, anh Đ đi làm ăn ở Bình Dương và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó anh về xin ly hôn, chị và anh Đ đã sống ly thân khoảng 03 năm. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn chị không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn, chị còn tình cảm với anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lương Hoàng K, sinh ngày 11/01/2004 và Lương Thái T, sinh ngày 01/07/2011, hiện con chung đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ ly hôn, con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng, trường hợp theo chị, chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/tháng/cháu).

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lương Văn Đ và chị Dương Thị H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003 và anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/3/2003 nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống theo anh Đ trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thiếu tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh và chị H đã sống ly thân khoảng 07 năm. Nay anh Đ xác định vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị Dương Thị H. Đối với chị H xác định anh Đ đi làm ăn ở Bình Dương và có quan hệ với người phụ nữ khác từ đó anh về xin ly hôn, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị và anh Đ đã sống ly thân khoảng 03 năm. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn chị không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn, chị còn tình cảm đối với anh Đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Đ cương quyết xin ly hôn, chị H cũng không có biện pháp để hàn gắn vợ chồng. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, mâu thuẫn là có xảy ra, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, nếu có hàn gắn anh chị vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ cho anh được ly hôn chị H.

[2] Về con chung: Anh Đ, chị H xác định có 02 con chung tên: Lương Hoàng K, sinh ngày 11/01/2004 và Lương Thái T, sinh ngày 01/07/2011 hiện con chung đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao 02 con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị H xác định con theo ai người đó nuôi, trường hợp theo chị, chị đồng ý nhận nuôi 02 cháu. Xét thấy, hiện 02 cháu K và T

đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ, chị H thống nhất giao 02 cháu K và T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời nguyện vọng của 02 cháu muốn được chung sống với mẹ nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 cháu K và T cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết anh chị không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu và cấp dưỡng một lần; anh Đ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu chị H, không đồng ý cấp dưỡng một lần vì anh không khả năng. Xét thấy, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất mức cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (2.000.000 đồng/tháng/02 cháu). Vì vậy căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên ghi nhận mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu là phù hợp. Về phương thức cấp dưỡng anh Đ và chị H không thống nhất với nhau, căn cứ vào thu nhập thường xuyên của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản hiện có . . . Xét thấy hiện anh Đ làm công nhân dựa vào thu nhập hàng tháng do đó căn cứ Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận việc cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ, chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

[5] Về nợ chung: Anh Đ, chị H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lương Văn Đ về việc xin ly hôn chị Dương Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Lương Hoàng K, sinh ngày 11/01/2004 và Lương Thái T, sinh ngày 01/07/2011 cho chị Dương Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 cháu K và T mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/8/2018 dương lịch, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày chị Dương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lương Văn Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh Đ phải chịu 300.000đ. Ngày 25 tháng 6 năm 2018, anh Đ đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000957 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Đ phải chịu 300.000đ (Chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Tân,
TP Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thu

